

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN X
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2438/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 11 - 2024

V/v: Tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khả

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Nhơn

2/ Bà Nguyễn Thị Bích Thân

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan – Thư ký Tòa án nhân dân quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận X, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Vũ Thị Giang- Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số thụ lý số 1692/2024/TLST-HNGĐ ngày 06/9/2024 về việc “Tranh chấp về ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Ngọc Thảo N; sinh năm: 1996; địa chỉ: thôn H, xã S, huyện M, tỉnh Đắk Nông (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Lê Trung L; sinh năm: 1989; địa chỉ: 3/12 B, Phường Q, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án thì nguyên đơn bà Trần Ngọc Thảo N trình bày:

Bà và ông Lê Trung L đăng ký kết hôn ngày 02/01/2019 tại Ủy ban nhân dân Phường O, quận G, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 7. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên nhân chính là do ông L không quan tâm, chăm lo gia đình, có lối sống buông thả, hiện ông bà đã ly thân; bà N đề nghị ly hôn với ông Lê Trung L.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Trần Bảo H; sinh ngày 12/11/2019, hiện đang ở với bà, bà yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông L cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung, không có nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Trung L trình bày: Ông thừa nhận lời trình bày của bà Trần Ngọc Thảo N về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng.

Nay nguyên đơn yêu cầu ly hôn, ông cũng đồng ý.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình, kết quả kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án nhân dân quận X và tham gia phiên tòa sơ thẩm hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận X phát biểu ý kiến như sau:

I. VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán,

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thẩm phán đã xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21; điểm g khoản 2 Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát thực hiện theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tuy nhiên hồ sơ chưa có phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Đồng thời chưa thông báo kết quả phiên họp cho đương sự theo quy định tại khoản 3 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về án phí: Nguyên đơn nộp tạm ứng án phí theo quy định.

2. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

3. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự

Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Ý KIẾN VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

Ngày 30/8/2024, nguyên đơn là bà Trần Ngọc Thảo N nộp đơn ly hôn yêu cầu Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh giải quyết cho bà ly hôn với ông Lê Trung L. Ngày 06/9/2024, Tòa án nhân dân quận X thụ lý vụ án.

Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Trích lục kết hôn số 07 do UBND Phường O, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/01/2019, nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông L là hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông L không có trách nhiệm với vợ con nên vợ chồng thường hay cãi nhau. Đồng thời cả hai sống ly thân, bà N cùng con đã về quê sống từ năm 2021 đến nay. Nay thấy không hợp nhau nữa, tình cảm vợ chồng đã hết, không thể đoàn tụ được nữa nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông Lê Trung L.

Như vậy, căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân phải là sự tự nguyện từ hai bên, vợ chồng phải yêu thương, tôn trọng lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và mong muốn xây dựng hạnh

phúc gia đình thì mục đích hôn nhân mới đạt được. Vì vậy, yêu cầu được ly hôn của bà N là có cơ sở.

Về con chung: Bà N và ông L có 01 con chung, tên Lê Trần Bảo H, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2019. Nhận thấy, cháu Lê Trần Bảo H còn nhỏ, hiện đang sống với mẹ. Xét quyền lợi về mọi mặt của trẻ, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà N.

Về cấp dưỡng: Nguyên đơn yêu cầu trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định

Bởi các lẽ trên, đề nghị HĐXX tuyên:

Căn cứ theo quy định tại các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Ngọc Thảo N.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà N. Giao cháu Lê Trần Bảo H cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông L cấp dưỡng để nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì nguyên đơn phải đóng án phí sơ thẩm.

III. NHỮNG YÊU CẦU, KIẾN NGHỊ ĐỀ KHÁC PHỤC VI PHẠM TỔ TỤNG Ở GIAI ĐOẠN SƠ THẨM:

Kiến nghị về trình tự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; thông báo kết quả phiên họp cho đương sự theo quy định tại Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trên đây là ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận X về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Nguyên đơn bà Trần Ngọc Thảo N nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông Lê Trung L. Đây là quan hệ tranh chấp về việc “Ly hôn”.

Bị đơn ông L hiện đang cư trú tại chỉ: 3/12 B, Phường Q, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận X.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã tổng đạt trực tiếp hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] *Về các yêu cầu của đương sự:*

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ bản cam kết của nguyên đơn về việc bị mất bản chính giấy đăng ký kết hôn, căn cứ Trích lục kết hôn số 07 do UBND Phường O, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/01/2019, nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông L là hợp pháp.

Căn cứ vào đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn và biên bản không tiến hành hòa giải được cùng bản tự khai của bị đơn nhận thấy: Việc mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa bà Trần Ngọc Thảo N và ông Lê Trung L là có thật, là do hai bên bất đồng về tính cách quan điểm sống.

Nguyên nhân chính do ông Lê Trung L không quan tâm, chăm sóc gia đình, cả hai hiện đã sống ly thân từ năm 2021.

Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng là có thật, hạnh phúc của vợ chồng xuất phát từ hai phía; cả hai thừa nhận mâu thuẫn gia đình và đồng ý ly hôn nên có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử nhận thấy việc kéo dài hôn nhân ảnh hưởng đến sinh hoạt hàng ngày của cả hai người và con chung, vì vậy chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Trần Ngọc Thảo N,

[3.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Trần Bảo Hân; sinh ngày 12/11/2019, hiện đang ở với bà, bà yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông L cấp dưỡng.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí DSST với số tiền là 300.000 đồng theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Ngọc Thảo N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Ngọc Thảo N được ly hôn với ông Lê Trung L.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Trần Bảo H; sinh ngày 12/11/2019 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lê Trung L được quyền thăm nom, chăm sóc và có nghĩa vụ giáo dục con chung. Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung, không có nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Ngọc Thảo N phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0029053 ngày 06/9/2024 của Thi hành án dân sự quận X. Bà N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM, VKSND TP.HCM;
- TAND Q.X, VKSND Q.X;
- THADS Q.X;
- UBND phường O, quận G;
- Dương sự;
- Lưu : VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Công Khả

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Khả

